

ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG THPT CAO PHONG

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm 2023 của Giám đốc
Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định)*

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

1. Đặc điểm, tình hình

a) Tên trường, địa chỉ, trụ sở, website

Trường THPT Cao Phong đóng tại xóm 10 xã Xuân Thượng huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định. Nằm đối diện chợ Hành Thiện, có vị trí địa lý, giao thông thuận tiện.

Website: <http://thpt-caophong.namdinh.edu.vn/>

b) Quá trình thành lập và phát triển

Trường THPT DL Xuân Trường, được thành lập năm 1998. Thực hiện quyết định số 1476/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh Nam Định trường THPT DL Xuân Trường được chuyển đổi sang loại hình trường THPT tư thục với tên mới là trường THPT Cao Phong.

Vinh dự và tự hào được chuyển đổi thành loại hình từ dân lập sang tư thục - Trường xã hội hóa đầu tiên của huyện Xuân Trường và lại được mang tên Trường THPT Cao Phong. (Cao Phong bút danh của cố GS – AHLĐ Vũ Khiêu, người con ưu tú của quê hương Xuân Trường). Tập thể HĐQT, Hội đồng giáo dục nhà trường đã không ngừng nỗ lực vươn lên khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Sau 12 năm chuyển đổi loại hình, Trường THPT Cao Phong đã có những bước tiến rõ rệt. Nền nếp dạy và học luôn được duy trì ổn định, chất lượng đức dục và trí dục được nâng lên qua từng năm học. Nhà trường đã từng bước khẳng định được vị thế và thương hiệu của mình, là địa chỉ tin cậy của phụ huynh, học sinh và nhân dân trong và ngoài huyện.

c) Điểm mạnh

- Sự quan tâm chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định, sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Xuân Trường, sự quan tâm giúp đỡ của cơ quan ban ngành các cấp và chính quyền các địa phương trong toàn huyện. Đặc biệt là các địa phương có đông học sinh học tại trường.

- Trường được mang tên bút danh cố GS, AHLĐ Vũ Khiêu, người con ưu tú của quê hương Xuân Trường. Một tấm gương sáng về sự học tập, lao động và sáng tạo, có nhiều đóng góp cho quê hương đất nước.

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, ủng hộ và phối kết hợp chặt chẽ của hội cha mẹ học sinh, sự tạo điều kiện giúp đỡ của bà con, nhân dân và các cơ quan xung quanh trường.

- Học sinh của trường ở khu vực có truyền thống lao động và học tập, truyền thống hiếu học, tính tự giác cao, có tinh thần yêu thương, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

- Đội ngũ các thầy cô giáo đã được kiện toàn, có tinh thần trách nhiệm cao, có lòng nhiệt tình, có kiến thức vững vàng, tâm huyết, yêu nghề và xác định gắn bó lâu dài với trường.

- Cơ sở vật chất của trường từng bước được tăng cường đáp ứng kịp thời cho các hoạt động dạy và học.

- Sau 12 năm chuyên đổi loại hình, Trường đã có nhiều tiến bộ về chất lượng đại trà cũng như học sinh giỏi. Nhiều năm liền học sinh thi tốt nghiệp THPT đỗ 100%. Kết quả xếp loại trường nằm trong top đầu các trường ngoài công lập.

d) Điểm yếu

- Trường có điểm xét tuyển đầu vào còn thấp so với các trường trong huyện, trong tỉnh. Phòng học chức năng, đồ dùng dạy học, trang thiết bị thí nghiệm chưa đầy đủ.

- Địa bàn trường đóng là khu vực nông thôn và cách xa trung tâm huyện, bình quân thu nhập của nhân dân nhìn chung còn thấp. Mức kinh phí hàng năm trường thu được chỉ bằng 60% mức ngân sách nhà nước cấp cho trường công lập có số học sinh tương đương.

e) Cơ hội và thách thức

* Cơ hội

- Đảng và nhà nước và xã hội đặc biệt quan tâm đến giáo dục, chính vì vậy các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho giáo dục ngày càng nhiều hơn.

- Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương nơi trường đóng ổn định, mức thu nhập của người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong vùng được nâng lên chính vì vậy nhu cầu cho con em ăn học cũng như các điều kiện phục vụ cho việc học hành ngày càng được quan tâm.

- Sự phát triển mạnh mẽ của CNTT cũng như xu thế hội nhập mở cửa giúp cho các cơ sở giáo dục tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục và quản lý giáo dục hiện đại và tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát triển giáo dục.

- Nhân dân trong vùng có truyền thống hiếu học, chăm lo cho giáo dục. Chính quyền địa phương tiếp tục giành sự quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất cho giáo dục.

* Thách thức

- Ảnh hưởng của phim ảnh, internet và xã hội lên học sinh, khiến việc quản lý và giáo dục các em cần có sự đầu tư và đổi mới liên tục.

- Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ học sinh và xã hội trong thời kỳ hội nhập.

- Chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, người lao động phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Yêu cầu ngày một cao về ứng dụng CNTT trong giảng dạy và quản lý, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên, công nhân viên.

- Chi phí đầu tư CSVC, trang thiết bị, đồ dùng dạy học và duy trì hoạt động của trường lớn trong khi mức thu học phí khó có thể nâng lên do thu nhập của nhân dân ở vùng nông thôn còn thấp.

f) Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị

* *Tâm nhìn:*

- Phân đầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, là nơi mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới thành công. Trường THPT Cao Phong hướng đến một môi trường học tập thân thiện với nề nếp, kỷ cương dạy và học được ưu tiên hàng đầu, luôn đổi mới phương pháp dạy học để đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục, được phụ huynh và học sinh tin cậy.

- Là nơi đào tạo học sinh thành những con người năng động, nhiệt tình trong công việc, yêu lao động, sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng.

* *Sứ mệnh:* Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nề nếp - kỷ cương - có chất lượng giáo dục cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, tư duy sáng tạo.

* *Giá trị:*

+ Tình đoàn kết - Lòng nhân ái

+ Sự hợp tác - Tinh thần trách nhiệm

+ Trung thực - Sáng tạo

+ Đổi mới - Hiệu quả - Bền vững

g. Mục tiêu chiến lược

- Trường đạt chuẩn Quốc gia

- Duy trì và nâng cao chất lượng dạy và học. Chất lượng giáo dục được khẳng định trong tốp đầu các trường THPT ngoài công lập.

- Có quy mô học sinh ổn định và phát triển.

2. Quy mô trường, lớp (số lớp, số học sinh từng khối lớp...)

Năm học	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Khối 10		Khối 11		Khối 12	
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
2018-2019	11	474	4	174	3	136	4	164
2019-2020	9	386	2	89	4	164	3	133
2020-2021	9	401	3	152	2	85	4	164
2021-2022	9	414	4	185	3	144	2	85
2022-2023	11	508	4	192	4	173	3	143

3. Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

Nội dung báo cáo được trình bày theo các Phụ lục 9,10,11,12 của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. (Theo phụ lục 1,2,3,4 đính kèm)

- Kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm (03 năm gần nhất):

Năm học	Tổng số học sinh	Học lực (tỷ lệ %)				Hạnh kiểm (tỷ lệ %)			
		Giỏi	Khá	TB	Yếu	Tốt	Khá	TB	Yếu
2020-2021	401	7.7	52.6	33.2	6.5	66.1	28.9	4.2	0.8
2021-2022	415	5.1	48.2	32.3	14.5	62.7	30.6	6.0	0.7
2022-2023 (Kỳ I)	508	8.1	48.0	34.7	9.2	61.0	30.9	5.1	3.0

- Kết quả thi tốt nghiệp THPT các cuộc thi, hội thi:

Năm học	Thi tốt nghiệp THPT		Các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh			
	Điểm trung bình	Xếp thứ trong tỉnh	Thi HSG văn hóa	Hùng biện tiếng Anh	Sáng tạo KHKT	Các cuộc thi khác.....
2020-2021	6.46	44				
2021-2022	6.27	49				
2022-2023						

PHẦN 2. THÔNG TIN VỀ TUYỂN SINH

I. Thông tin về tuyển sinh vào lớp 10 của 03 năm gần nhất

Năm học	Phương thức tuyển sinh	Số lượng hồ sơ đăng kí dự thi/xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh	Điểm xét tuyển	Số lượng thí sinh trúng tuyển
2020-2021	Xét tuyển	190	135	9.75	151
2021-2022	Xét tuyển	217	180	15.0	187
2022-2023	Xét tuyển	256	180	15.5	195

II. Thông tin về tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024

1. Đối tượng và địa bàn tuyển sinh

Học sinh dự kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm 2023-2024 do Sở GDĐT Nam Định tổ chức.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh: 04 lớp (180 học sinh).

3. Phương thức tuyển sinh: Sử dụng kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 của các trường THPT trong tỉnh.

4. Điều kiện đăng kí và nguyên tắc xét tuyển trúng tuyển.

- Học sinh có tham gia kì thi tuyển sinh vào 10 THPT công lập của tỉnh Nam Định;

- Điểm mỗi bài thi phải lớn hơn 0,00;

- Có điểm xét tuyển (điểm của 3 bài thi đã tính hệ số) từ 7.5 điểm trở lên.

- Căn cứ danh sách thí sinh đủ điều kiện xét trúng tuyển, lấy trúng tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu được giao hoặc hết nguồn thí sinh có đủ điều kiện.

- Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét trúng tuyển như sau:

+ Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau mà không vượt quá 2,0% chỉ tiêu được giao thì đề nghị với Sở GDĐT được lấy trúng tuyển hết số thí sinh này.

+ Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau vượt quá 2,0% chỉ tiêu được giao thì xét những thí sinh này theo thứ tự ưu tiên đảm bảo đúng chỉ tiêu được giao: Đạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa lớp 9 THCS cấp tỉnh (theo thứ tự ưu tiên Giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích); có điểm trung bình các môn cả năm học lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình cả năm môn Toán và Ngữ văn ở lớp 9 cao hơn. Sau khi xét hết các tiêu chí mà vẫn còn các thí sinh có tiêu chí cuối bằng nhau thì đề nghị với Sở GDĐT được lấy trúng tuyển hết những thí sinh này.

5. Hồ sơ tuyển sinh

- Học bạ THCS;

- Giấy khai sinh;

- Phiếu đăng ký xét đọt 2 vào lớp 10 năm học 2023-2024.

6. Tổ chức tuyển sinh

Sau khi các trường THPT Công lập công bố điểm và xét tuyển xong đọt 1 nhà trường sẽ có thông báo, hướng dẫn tuyển sinh và công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, công thông tin điện tử nhà trường và trên bảng tin tại nhà trường để phụ huynh và học sinh được biết.

PHẦN 3. THÔNG TIN VỀ MỨC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC TỪ NGƯỜI HỌC.

STT	Khoản thu	Mức thu
1	Học phí (<i>thu 09 tháng</i>)	Lớp 10 (Năm học 2023-2024): 730.000 đồng/tháng Lớp 11 (Năm học 2024-2025): 730.000 đồng/tháng Lớp 12 (Năm học 2025-2026): 820.000 đồng/tháng
2	Học thêm (<i>Thỏa thuận</i>)	5.000 đồng/1 tiết

Mức đóng trên được thực hiện với học sinh cả 3 khối.

PHỤ LỤC 1**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông Cao Phong****Năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 12	Lớp 11	Lớp 10
I	Điều kiện tuyển sinh	Xét duyệt lên lớp hàng năm theo quy định.	Xét duyệt lên lớp hàng năm theo quy định.	Xét tuyển đối với học sinh đã hoàn thành chương trình lớp 9 và có tham dự thi tuyển vào các trường THPT công lập trong tỉnh.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở thực hiện	Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2006	Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2006	Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ của học sinh	Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa gia đình và nhà trường; HS có thái độ học tập nghiêm túc.	Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa gia đình và nhà trường; HS có thái độ học tập nghiêm túc.	Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa gia đình và nhà trường; HS có thái độ học tập nghiêm túc.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tốt	Tốt	Tốt
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Các phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề. - Về học lực: Giỏi trên 5%; Khá trên 60%;	- Các phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề. - Về học lực: Giỏi trên 5%; Khá trên 60%;	- Các phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề. - Về học lực: Giỏi trên 5%; Khá trên 60%;

		yếu kém không quá 15% - Về hạnh kiểm: Khá tốt đạt trên 80% - Sức khỏe tốt	yếu kém không quá 15% - Về hạnh kiểm: Khá tốt đạt trên 80% - Sức khỏe tốt	yếu kém không quá 15% - Về hạnh kiểm: Khá tốt đạt trên 80% - Sức khỏe tốt
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học tiếp lên ĐH; CĐ; TC; Nghề	Tỉ lệ lên lớp là trên 98%	Tỉ lệ lên lớp là trên 98%

PHỤ LỤC 2
Công khai thông tin chất lượng giáo dục trường THPT Cao Phong
năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	415	186	144	85
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	62.65%	53.76%	59.72%	87.06%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	30.60%	37.63%	31.94%	12.94%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	6.02%	7.53%	7.64%	0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.72%	1.08%	0.69%	0.00%
II	Số học sinh chia theo học lực	415	186	144	85
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	5.06%	1.61%	5.56%	11.76%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	48.19%	31.18%	47.92%	85.88%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	32.29%	43.01%	36.11%	2.35%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	14.46%	24.19%	10.42%	0.00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	415	186	144	85
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	84.82%	74.73%	88.89%	100.00%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	5.06%	1.61%	5.56%	11.76%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	47.71%	30.65%	47.22%	85.88%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	14.46%	24.19%	10.42%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	15.18%	25.27%	11.11%	0.00%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	0	0	0	0

1	Cấp tỉnh/ thành phố	0	0	0	0
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	85	0	0	84
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	84	0	0	84
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	68	0	0	68
VIII	Số học sinh nữ	162	65	68	29
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	2	1	0	1

PHỤ LỤC 3**Công khai thông tin cơ sở vật chất trường THPT Cao Phong**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	16	1.25
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	16	1.25
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn		-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	1.25
7	Bình quân lớp/phòng học		0.5
8	Bình quân học sinh/lớp		46
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	7280.9	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4500	
VI	Tổng diện tích các phòng	1100	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)		
3	Diện tích phòng thiết bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)		
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	280	
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	0	
1	Khối lớp 10		
2	Khối lớp 11		
3	Khối lớp 12		

4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	14	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	18
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	2	1/1	40	20/20
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	Nội dung		Có		Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		X			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		X			

XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

II. Kế hoạch mua sắm, bổ sung cơ sở vật chất năm học 2023-2024

Căn cứ tình hình thực tế cơ sở vật chất của nhà trường trong năm học 2022-2023. Đối chiếu với các quy định định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông, Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông...trường THPT còn thiếu và cần bổ sung các phòng học bộ môn, các trang thiết bị đồ dùng dạy học cần thiết để phục vụ việc dạy và học. Để đảm bảo triển khai đồng bộ, hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018, trường THPT Cao Phong cam kết trong năm học 2023-2024 sẽ xây dựng kế hoạch và tiến hành sửa chữa, bổ sung, trang bị các phòng học bộ môn, các thiết bị, đồ dùng dạy học đảm bảo có đủ điều kiện về cơ sở vật chất để triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018.

PHỤ LỤC 4
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên trường THPT Cao Phong

1. Cán bộ quản lí

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Năm vào ngành	Trình độ
1	Mai Văn Hân	1950	Hiệu trưởng	1968	ĐH
2	Hà Xuân Quỳnh	1985	Phó hiệu trưởng	2009	ĐH

2. Giáo viên

Môn	Số lượng	Trình độ chuyên môn				BQ GV /lớp
		Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	
Văn	4		4			
Toán	4	1	3			
Lý	3	1	2			
Hoá	2		2			
Sinh KTN	1	1				
KTCN	1		1			
Lịch sử	2		2			
GDCD-GDKTPL	1		1			
Địa	1		1			
Tiếng Anh	3		3			
TD-QPAN	2		2			
Tin	1		1			
Tổng	24	3	21			2.27

3. Nhân viên

TT	Phụ trách	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ
1	Nhân viên kế toán	Mai Kim Anh	1980	ĐH
2	Thủ quỹ	Trần Thị Duyên	1977	CĐ
	Nhân viên văn thư			
3	Nhân viên y tế	Nguyễn Thị Thảo	1986	Sơ cấp
4	Nhân viên khác	Đinh Thị Hoa	1987	ĐH
5	Nhân viên bảo vệ	Nguyễn Quang Thiệp	1953	
		Nguyễn Sơn Giang	1964	

II. Kế hoạch tuyển dụng giáo viên năm học 2023-2024

Căn cứ tình hình thực tế đội ngũ giáo viên câu trường năm học 2022-2023, đối chiếu với định mức giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường THPT Cao Phong cam kết trong năm học 2023-2024 sẽ tiến hành rà soát và tuyển dụng đúng, đủ giáo viên để đảm bảo định mức giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.